

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/DS-PT

Ngày: 25/01/2019

V/v : Tranh chấp HĐ vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Dung

Các Thẩm phán:

Bà Hoàng Lan P

Bà Nguyễn Thị Chinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký TAND tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa:

Ông Đỗ Văn Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 25/01/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 71/2018/TLPT ngày 13 tháng 12 năm 2018, về việc “Tranh chấp HĐ vay tài sản”. Do bản án số 04/2018/DS-ST ngày 24/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện N bị nguyên đơn kháng cáo và VKSND huyện N kháng nghị, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐ-PT ngày 10/01/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tống Thị Đ, sinh ngày 25/12/1958

Địa chỉ: Thôn 2, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Bà Đỗ Thị P, sinh ngày 02/5/1958

Địa chỉ: Thôn 2, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Tống Thị Đ

Kháng nghị: VKSND huyện N, tỉnh Thanh Hoá

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn và bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 7 năm 2018 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn bà Tống Thị Đ trình bày: Bà và bà Đỗ Thị P trước đây có quan hệ là người cùng làm công tác phụ nữ. Bà là Phó Chủ tịch Hội phụ nữ xã K

còn bà P là Tổ trưởng tổ phụ nữ thôn 2 Tân Cầu, xã K. Trong bối cảnh chồng bà mất vì tai nạn bà P qua lại đồng viên nên hai chị em có quan hệ thân thiết với nhau. Bà P đến nhà bà ở và làm giúp cho bà vào những ngày mùa bận rộn. Bà P làm tổ trưởng vay vốn phụ nữ do xâm tiêu nên khi bàn giao bị thiếu hụt rất nhiều tiền dẫn đến lâm nợ từ năm 2005, nhiều nhất là từ năm 2009 đến năm 2014, hàng tháng không có tiền để trả. Bà P nợ nần nhiều phải đến nhà bà để trốn nợ. Bà P cầu xin bà, nhờ bà vay tiền giúp để trả. Vì tình cảm chị em, thương hoàn cảnh của bà P nên bà đã vay giúp bà P rất nhiều lần. Đến ngày 23/7/2009 bà bảo không vay giúp cho bà P nữa thì bà P viết giấy nhờ bà vay tiền và hứa con của bà P là Ngô Đình D sẽ gửi tiền về trả cho bà. Bà tin bà P lại đi vay giúp. Bà lai bà P đi, bà vay hộ chứ không lấy lãi. Bà cho bà P vay tiền rất nhiều lần nhưng bà P chỉ trả cho bà 3 lần với tổng số tiền gốc là 73.000.000đ, không trả lãi. Đến ngày 04/8/2015 giữa bà và bà P tính toán chốt tổng số nợ là 1.520.000.000đ và lập giấy vay đề ngày 04/8/2015, thỏa thuận thời gian trả gốc vào ngày 04/8/2016, tiền lãi 3 tháng trả một lần. Sau khi chốt nợ, bà không giữ một số giấy tờ ghi chép trước khi chốt nợ nữa. Kể từ tháng 8/2015 đến nay bà đã nhiều lần hỏi nhưng bà P không trả số tiền gốc và lãi cho bà. Khi bà P ký vào giấy vay tiền trong tình trạng hoàn toàn tỉnh táo. Khi bà xuống nhà đòi nợ thì bà P cứ khất lần. Bà P đã trả hết công nợ cho người khác còn chỗ nợ của bà không trả. Bà đã gửi đơn đến Ủy ban nhân dân xã K để hòa giải, bà P thừa nhận số nợ trên và ký vào biên bản hòa giải, không thắc mắc gì. Khi bà khởi kiện ra Tòa án thì bà P giở nhiều trò để chối nợ như khai nghiện rượu, ngu đần, bị lừa dối ký vào giấy nhận tiền trong khi uống rượu. Hiện nay số tiền bà đi vay giúp cho bà P bà đã trả được 154.000.000đ, bà còn đang phải nợ những người khác là 1.366.000.000đ. Vì tình cảm chị em, bà P ngày trước có đi làm giúp bà vào những ngày mùa bận rộn nên bà giảm cho bà P 120.000.000đ, bà yêu cầu bà P phải trả số tiền gốc là 1.400.000.000đ (theo giấy vay tiền ngày 04/8/2015), không yêu cầu tiền lãi.

Tại bản tự khai ngày 24/7/2018 và trong quá trình giải quyết, xét xử bị đơn bà Đỗ Thị P trình bày: Vào khoảng năm 2005 bà vay của bà Tống Thị Đ số tiền 40.000.000đ để trả nợ. Sau khi vay bà đã trả cho bà Đ nhiều đợt cả gốc và lãi là hơn 100.000.000đ, vượt quá số tiền 40.000.000đ. Bà Đ đã tính lãi suất quá cao,

cụ thể mức lãi suất là bao nhiêu bà không rõ. Bà thừa nhận tài liệu do bà Đ xuất trình chữ ký là của bà nhưng bà không chấp nhận số nợ 1.520.000.000đ vì khi ký do bà đã uống rượu và bà là người đàn, người vô tâm không hỏi tại sao số nợ lại lên bấy nhiêu. Bà Đ bảo bà ký chỗ nào thì bà ký chỗ đấy, bà không được biết tổng nợ. Khi vay bà không ghi sổ cá nhân để theo dõi, nay bà quá bất ngờ, thấy số nợ cao quá, cứ nghĩ là trả hết rồi. Bà là người nghiện rượu có 7 người hàng xóm xác nhận bà nghiện rượu nhưng những người đó không biết việc bà nợ tiền bà Đ và không có mặt lúc hai bên lập giấy vay tiền.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà khai khi bà làm Tổ trưởng phụ nữ vay vốn, do nhà không có tủ nên bà gói tiền để ở giường. Chị em đến chơi nhà rồi bị mất tiền. Bà phải đi vay một số người để trả nợ. Có thời điểm vay lãi ngày 2% còn khi bà ký vào giấy vay tiền ngày 04/8/2015 bà tưởng số tiền là 150.000.000đ và tưởng ký nhận vay với Hội Phụ nữ nên bà mới ký. Còn thực tế bà chỉ nhờ bà Đ vay để trả nợ 40.000.000đ nhưng đã trả lãi và gốc tổng bằng 135.000.000đ. Nay bà không chấp nhận yêu cầu của bà Đ.

Tại bản án DSST số 04/2018/DS-ST ngày 24/10/2018, TAND huyện N đã quyết định:

Căn cứ: Điều 463, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử: Không chấp nhận yêu cầu của bà Tống Thị Đ về việc yêu cầu bà Đỗ Thị P trả cho bà Tống Thị Đ số tiền 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng).

Về án phí: Bà Tống Thị Đ phải chịu 54.000.000 đ (Năm mươi tư triệu đồng) tiền án phí giá ngạch tài sản nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 28.800.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N theo biên lai thu số AA/2015/0006710 ngày 17/7/2018. Bà Đ còn phải nộp tiếp 25.200.000đ tiền án phí giá ngạch tài sản.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 30/10/2018, nguyên đơn bà Tống Thị Đ kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Không đồng ý với bản án sơ thẩm, đề nghị TAND tỉnh Thanh Hóa buộc bà P phải trả cho bà 1.520.000.000đ.

* Ngày 05/11/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện N ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/2018/DS-ST với nội dung: Đề nghị TAND tỉnh Thanh Hóa sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đ, buộc bà P phải trả cho bà Đ 1.400.000.000đ

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, thay đổi đơn kháng cáo yêu cầu bà P trả 1.400.000.000đ, nhưng tự nguyện cho bị đơn thêm số tiền 220.000.000đ, chỉ yêu cầu bị đơn trả nợ là 1.180.000.000đ

VKSND tỉnh Thanh Hóa không rút kháng nghị, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa phát biểu ý kiến:**

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm tuân theo các quy định của Bộ luật TTDS.

- Nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát. Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa bản án sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 01/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện N theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện, chấp nhận sự tự nguyện của bà Đ cho bà P thêm 220.000.000đ, buộc bà P phải trả cho bà Đ 1.180.000.000đ.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe lời trình bày, tranh luận của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị của VKSND huyện N thấy rằng: Theo bà Đ khoản tiền 1.520.000.000đ là khoản bà cho bà P và vay hộ bà P trong khoảng thời gian 10 năm từ năm 2005 đến năm 2015. Giấy vay tiền ngày 04/8/2015 thực ra là cộng dồn các khoản vay trước đó bà P chưa thanh toán. Quá trình giải quyết vụ án bà P thừa nhận có vay tiền của bà Đ, thừa nhận chữ ký trong giấy vay tiền ngày 04/8/2015 là của mình (Giấy vay tiền này ghi nhận số

tiền bà P vay của bà Đ là 1.520.000.000đ). Nhưng bà P cho rằng bà chỉ vay bà Đ số tiền 40.000.000đ, đã trả cả gốc và lãi hơn 100.000.000đ. Lý do bà ký giấy vay tiền ngày 04/8/2015 là do bà đã uống rượu và bà là người ngu đần, người vô tâm không hỏi tại sao số nợ lại lên bấy nhiêu. Bà Đ bảo bà ký chỗ nào thì bà ký chỗ đấy, bà không được biết tổng nợ, không được nhận khoản tiền nêu trên. Tuy nhiên, bà P không có tài liệu nào chứng minh là người có bệnh bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, tòa sơ thẩm cũng xác minh qua các cán bộ chủ chốt xã K (BL63) thì bà P trước đây làm công tác phụ nữ, không phải là người nghiện rượu, nếu nghiện rượu thì không ai giao cho bà P làm công tác hội. Thực tế có việc bà P vay nợ nhiều, nợ cả cá nhân và tiền của hội phụ nữ xã. Bà P cung cấp một số nhân chứng thừa nhận bà là người nghiện rượu, nhưng tất cả những người này đều không biết việc vay nợ tiền của hai bên, không chứng kiến khi 2 bên viết giấy vay tiền. Như vậy, giấy vay tiền ngày 04/8/2015 là cơ sở pháp lý chứng minh việc bà Đ và bà P có thiết lập giao dịch dân sự vay tài sản, chứng minh số tiền bà P vay bà Đ là 1.520.000.000đ (Một tỷ năm trăm hai mươi triệu đồng).

Xét những lý do bà P đưa ra để không thừa nhận khoản tiền vay của bà Đ là không có cơ sở chấp nhận. Với những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, bị đơn thừa nhận và kết quả xác minh thì có đủ căn cứ để chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Việc án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là không thỏa đáng, gây thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp, chính đáng của nguyên đơn. Do đó, cần chấp nhận kháng nghị của VKSND huyện N và kháng cáo của bà Tống Thị Đ sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm cho thêm bị đơn 220.000.000đ. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 1.180.000.000đ (Một tỷ một trăm tám mươi triệu đồng) là phù hợp.

[2] Án phí: Bà Đ được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí DSST và DSPT. Án phí DSST có giá ngạch bà P phải chịu, nhưng được miễn do thuộc hộ nghèo, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Vì các lẽ trên

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308; Điều 309 BLTTDS

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Đ; Chấp nhận kháng nghị của VKSND huyện N. Sửa bản án Dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 24/10/2018 của TAND huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ: Điều 463, 465, 466 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 148 Bộ luật TTDS; Điểm đ Khoản 1 Điều 12; Khoản 2 Điều 26, Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí TA.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tổng Thị Đ yêu cầu bà P trả khoản tiền gốc 1.400.000.000đ. Chấp nhận sự tự nguyện của của bà Đ cho thêm bà P 220.000.000đ, còn 1.180.000.000đ (Một tỷ một trăm tám mươi triệu đồng) buộc bà P phải trả cho bà Đ.

Kể từ ngày bà Đ có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà P phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí: Bà Đ không phải chịu án phí DSST và án phí DSPT, bà Đ được trả lại số tiền 28.000.000đ theo biên lai thu số AA/2015/0006710 ngày 17/7/2018 và số tiền 300.000đ theo biên lai thu số AA/2017/0001797 ngày 30/10/2018 (Đây là các khoản tiền tạm ứng án phí DSST và DSPT đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N). Án phí DSST có giá ngạch bà P được miễn.

3. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND tỉnh Thanh Hoá
- TAND huyện N
- Chi cục THA dân sự huyện N
- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Dung